

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THẾ VŨ

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TÒA ÁN,
QUA THỰC TIỄN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Ngọc Kiện**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	5
7. Kết cấu của luận văn	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TOÀ ÁN. 5	5
1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng	5
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng	6
1.1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng	6
1.1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	7
1.1.3. Phân loại tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	9
1.1.3.1. Phân loại theo nội dung tranh chấp.....	9
1.1.3.2. Phân loại theo tính chất của tranh chấp.....	9
1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng toà án	9
1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án	9
1.2.2. Đặc điểm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án ..	10
1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng toà án.....	11
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TOÀ ÁN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	11
2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Toà án	11
2.1.1. Thực trạng pháp luật tố tụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án	11
2.1.1.1. Thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng	11
2.1.1.2. Chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng .	13
2.1.1.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	13
2.1.2. Thực trạng pháp luật về nội dung trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án	13
2.1.2.1. Quy định về vi phạm nghĩa vụ hoàn trả gốc và lãi của bên vay	13
2.1.2.2. Quy định về các loại lãi suất, phí, tiền phạt	14
2.1.2.3. Quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	14
2.1.2.4. Quy định về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu	15

2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án.....	16
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế	17
2.2.1. Tình hình giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế.....	17
2.2.2. Vương mắc trong áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng và thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế.....	18
2.2.3. Nguyên nhân của vương mắc trong việc áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng được rút ra từ thực tiễn tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế	19
2.2.3.1. Nguyên nhân khách quan	19
2.2.3.2. Nguyên nhân chủ quan.....	19
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TOÀ ÁN	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án	20
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án.....	20
3.2.1.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chủ thể của quan hệ thế chấp tài sản cần phải xác định rõ ràng	20
3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định về thủ tục hòa giải tại Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	20
3.2.1.3. Hoàn thiện quy định của pháp luật về lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng.....	20
3.2.1.4. Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đảm bảo thanh toán và xử lý tài sản đảm bảo	20
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án.....	22
3.2.2.1. Về nhiệm kỳ Thẩm phán và nâng cao chất lượng của đội ngũ thẩm phán, hội thẩm nhân dân	22
3.2.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các nhà kinh doanh	22
3.2.2.3. Phát huy hiệu quả của công nghệ thông tin vào công tác Tòa án	23
3.2.2.4. Đối với các tổ chức tín dụng	23
PHẦN KẾT LUẬN	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, được sử dụng như một đòn bẩy trong việc phát triển nền kinh tế. Khi kinh tế ngày càng phát triển thì kéo theo nhu cầu về vốn càng lớn, vai trò của các TCTD trong việc đáp ứng vốn cho nền kinh tế càng trở nên quan trọng. Nó không chỉ đáp ứng được phần lớn nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế mà thông qua hoạt động tín dụng ngân hàng còn tạo ra phần lợi nhuận không nhỏ cho các TCTD. Tín dụng ngân hàng ngoài việc đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, nó còn tạo ra lợi nhuận cho các tổ chức tín dụng. Đây có thể coi là hoạt động mang lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng song cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là rủi ro khi người vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong HĐTD. Khi phát sinh tranh chấp, nếu không tự giải quyết được, các bên tranh chấp thường khởi kiện ra tòa án yêu cầu tòa án giải quyết. Việc giải quyết các tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng con đường tòa án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm môi trường kinh doanh. Do đó, việc nghiên cứu pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng con đường Tòa án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn ở nước ta hiện nay.

Những năm gần đây, vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng*” xảy ra ngày càng nhiều, chiếm tỷ lệ cao trong số các vụ án kinh doanh, thương mại. Số lượng các vụ án tranh chấp HĐTD được đưa ra giải quyết tại Tòa án ngày càng tăng và có xu hướng ngày càng phức tạp, giá trị tài sản tranh chấp lớn, việc thu hồi vốn, lãi, xử lý tài sản thế chấp gặp nhiều khó khăn, phức tạp, kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nói chung và sự an toàn của hệ thống tín dụng. Nhiều vụ án số tiền vay rất lớn, đương sự không hợp tác, tài sản bảo đảm không quản lý được dẫn đến Tòa án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết loại án này.

Xuất phát từ thực trạng đó, Nhà nước ta đã luôn quan tâm, chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hoạt động của các TCTD. Các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD đã được quy định cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam được thể hiện qua các văn bản nhưng: BLTTDS 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011, BLDS 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và đặc biệt gần đây là việc Quốc hội đã ban hành BLDS và BLTTDS mới vào năm 2015.

Các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD về cơ bản đã tương đối đầy đủ về hình thức cũng như nội dung. Tuy nhiên, những quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng còn chưa thực sự đồng bộ

giữa BLDS, BLTTDS với Luật các TCTD. Những quy định đặc thù về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng chưa thực sự cụ thể, còn có sự chồng chéo về chủ thể, quyền hạn giải quyết... Điều này dẫn đến hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD chưa thực sự cao, có nhiều vụ việc bị kháng cáo, kháng nghị thậm chí có quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ.

Thừa Thiên Huế là một tỉnh miền Trung có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, có tình hình kinh tế xã hội phát triển nhanh trên địa bàn tỉnh, quy mô kinh tế ngày một lớn, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Trong những năm vừa qua, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội thì những tranh chấp phát sinh từ hoạt động tín dụng nói chung và hợp đồng tín dụng nói riêng trên địa bàn tỉnh ngày một lớn. Các tranh chấp này đã được TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trên địa bàn còn nhiều hạn chế, tồn tại, cần phải có những nghiên cứu để góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp này hơn nữa.

Từ nhận thức trên, tác giả đã chọn đề tài: ***“Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án, qua thực tiễn tỉnh Thừa Thiên Huế”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ luật học với mong muốn sẽ góp phần nghiên cứu thực trạng, phát hiện những bất cập, đưa ra những giải pháp để tháo gỡ vướng mắc còn tồn tại trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng là vấn đề đã được nhiều công trình nghiên cứu ở những góc độ khác nhau. Có thể kể ra một số công trình tiêu biểu như:

- Cổ Thảo Nguyên (2018), *Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng trong kinh doanh thương mại bằng tòa án và thực tiễn áp dụng tại Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội; Trần Văn Anh (2018), *Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại từ thực tiễn xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học luật Hà Nội; Đào Hải Yên (2018), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, thực trạng và kiến nghị*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội; Nguyễn Thị Lan Anh (2018), *Hợp đồng vay tài sản – Thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội; Đoàn Duy Thành (2019), *Thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại theo pháp luật hiện hành – Thực tiễn áp dụng tại Tòa án quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học luật Hà Nội; Vũ Thị Vân Anh (2020), *Thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại theo pháp luật Việt Nam*,

Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội. Các công trình trên đều có điểm chung là phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh, thương mại. Qua đó, thấy được cái nhìn khái quát về thực trạng pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh, thương mại ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, các tác giả đã phân tích một số hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật trong việc giải quyết các loại tranh chấp này, nhận xét nguyên nhân của những bất cập, từ đó đưa ra được các định hướng, kiến nghị nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại.

- Nguyễn Bình Hiếu (2018), *Thực trạng pháp luật về hợp đồng tín dụng tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội; Lò Đức Toàn (2020), *Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Sơn La*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội. Các luận văn trên đều làm rõ nội dung pháp lý liên quan đến vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng tòa án. Đề cập đến những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án.

Bên cạnh đó phải kể đến một số bài viết trên tạp chí như: Nguyễn Duy Phương, *Hoàn thiện quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại của Tòa án*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 1 năm 2015; Vũ Gia Trường, *Những vướng mắc khi giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án*, Tạp chí Luật sư Việt Nam số 3 năm 2016; Nguyễn Xuân Bình - Lê Thị Xuân, *Một số lưu ý khi giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của BLDS năm 2015*, Tạp chí Tòa án số 06 năm 2018.

Phần lớn các công trình khoa học trên đã làm rõ cơ sở lý luận, bản chất pháp lý của hợp đồng tín dụng ngân hàng và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng, các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng; đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu đề tài giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng vẫn rất cần thiết vì quy định pháp luật về vấn đề này còn rất nhiều bất cập, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn.

Nhiều kết quả nghiên cứu trong các công trình nêu trên có giá trị khoa học cao và sẽ được người viết kế thừa. Để tránh trùng lặp với những kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố, nội dung của Luận văn này hướng tới việc nghiên cứu chuyên sâu về giải quyết tranh chấp một loại hợp đồng là hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng phương thức tòa án. Luận văn lấy thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng làm tình huống nghiên cứu cụ thể.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là cung cấp luận cứ khoa học về tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ cụ thể sau:

- Thứ nhất: nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng và giải quyết tranh chấp tại tòa án.

- Thứ hai: phân tích thực trạng áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án; liên hệ từ thực tiễn giải quyết tại tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Thứ ba: đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại tòa án

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu 3 vấn đề:

Thứ nhất, lý luận và lý luận pháp luật về tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Thứ hai, pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án.

Thứ ba, thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi của đề tài, luận văn nghiên cứu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng phương thức tòa án. Luận văn không nghiên cứu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng phương thức hòa giải, trọng tài.

Về không gian: Địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Về thời gian: Số liệu khảo sát thực tiễn kết quả giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

5ề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lênin về nhà nước pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh phương pháp luận, tác giả cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu luật học truyền thống như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so

sánh các quy phạm pháp luật, khảo cứu trong thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án, theo những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Luận văn chỉ ra một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời Luận văn cũng chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng. Từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại tòa án.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn kết cấu gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TOÀ ÁN

1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng

HĐTD về bản chất là hợp đồng vay tài sản theo quy định của BLDS 2015. Tuy nhiên, chỉ gọi là HĐTD trong trường hợp bên cho vay là các TCTD, trong đó chủ yếu là các ngân hàng.

HĐTD là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa TCTD (bên cho vay) với khách hàng là tổ chức, cá nhân (bên vay) nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ nhất định giữa các bên theo quy định của pháp luật, theo đó bên cho vay chuyển giao một khoản tiền tệ cho bên vay sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Trên cơ sở khái niệm HĐTD, có thể thấy HĐTD có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, về chủ thể, bên cho vay phải là TCTD, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động, kinh doanh tín dụng. Bên vay có thể là tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện vay vốn do pháp luật quy định.

Thứ hai, về hình thức, HĐTD phải được lập thành văn bản. HĐTD đa phần là hợp đồng theo mẫu do các TCTD soạn sẵn phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế cho vay của các TCTD.

Thứ ba, HĐTD có đối tượng là những khoản vốn được thể hiện dưới hình thức tiền tệ (đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ) do các bên thỏa thuận và được ghi rõ trong hợp đồng; theo đó, TCTD giao cho người vay sử dụng một khoản tiền để sử dụng với mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Thứ tư, HĐTD thường có mục đích sinh lợi và là hoạt động sinh lời chủ yếu của các TCTD; theo đó, khi hết thời hạn cho vay thì bên vay phải hoàn trả cả gốc và lãi theo sự thỏa thuận trong HĐTD.

Thứ năm, HĐTD thường có thỏa thuận về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vay như thế chấp, bảo lãnh... Hoạt động tín dụng luôn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro nếu người vay kinh doanh thua lỗ do biến động thị trường, suy thoái kinh tế hay sử dụng vốn vay không đúng mục đích. Vì vậy, các TCTD luôn yêu cầu bên vay phải thỏa thuận về biện pháp bảo đảm cho khả năng trả nợ. Thỏa thuận về biện pháp bảo đảm thường được các bên lập thành hợp đồng riêng nhưng cũng có thể là một điều khoản trong HĐTD

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

1.1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Hợp đồng tín dụng ngân hàng là một dạng cụ thể của hợp đồng vay tài sản đã được quy định trong BLDS 2015. Tuy nhiên, chỉ gọi là HĐTD trong trường hợp bên cho vay là các tổ chức tín dụng, trong đó chủ yếu là các ngân hàng. Theo quy định tại điều 463 BLDS 2015: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Hợp đồng tín dụng ngân hàng về bản chất là hợp đồng cho vay, theo đó ngân hàng là bên cho vay giao cho bên vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Hợp đồng tín dụng ngân hàng là văn bản phản ánh thỏa thuận trực tiếp của tổ chức tín dụng và khách hàng trong việc xác lập một quan hệ cho vay, xác lập các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên trong việc vay và hoàn trả vốn vay.

Với định nghĩa này, có thể thấy ngoài những dấu hiệu chung của hợp đồng, hợp đồng tín dụng ngân hàng còn có một số đặc điểm đặc trưng sau đây để phân biệt với các loại hợp đồng khác trong giao dịch dân sự và thương mại:

Về chủ thể: một bên tham gia hợp đồng bao giờ cũng là tổ chức tín dụng (ngân hàng) có đủ điều kiện luật định, với tư cách là bên cho vay. Còn chủ thể

bên kia (bên vay) có thể là tổ chức, cá nhân thỏa mãn những điều kiện vay vốn do pháp luật quy định.

Về đối tượng: đối tượng của hợp đồng tín dụng bao giờ cũng là một khoản vốn được thể hiện dưới hình thức là tiền tệ. Về nguyên tắc, đối tượng của hợp đồng tín dụng bao giờ cũng phải là một số tiền xác định và phải được các bên thỏa thuận, ghi rõ trong văn bản hợp đồng.

Về tính rủi ro: hợp đồng tín dụng vốn chứa đựng nguy cơ rủi ro rất lớn cho quyền lợi của bên cho vay. Lý do là vì theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, bên cho vay chỉ có thể đòi tiền của bên vay sau một thời hạn nhất định. Nếu thời hạn cho vay càng dài thì nguy cơ rủi ro và bất trắc càng lớn. Vì thế mà các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cũng thường xảy ra với số lượng và tỷ lệ lớn hơn so với các loại hợp đồng khác.

Về cơ chế thực hiện quyền và nghĩa vụ: trong hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ chuyển giao tiền vay (nghĩa vụ giải ngân) của bên cho vay bao giờ cũng phải được thực hiện trước, làm cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên vay. Do đó, chỉ khi nào bên cho vay chứng minh được rằng họ đã chuyển giao tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng cho bên vay, khi đó họ mới có quyền yêu cầu bên vay phải thực hiện các nghĩa vụ đối với mình (bao gồm các nghĩa vụ chính như sử dụng tiền vay đúng mục đích; nghĩa vụ hoàn trả tiền vay đúng hạn cả gốc và lãi...).

Tranh chấp HĐTD là những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ quyền, nghĩa vụ trong HĐTD giữa bên cho vay và bên vay. Do đó tranh chấp HĐTD ngân hàng là những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng giữa bên cho vay (ngân hàng) và bên vay (khách hàng). Đó là những tranh chấp về lãi suất, nợ gốc, nợ lãi, việc giải ngân, xử lý tài sản đảm bảo, thế chấp...

1.1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Tranh chấp HĐTD cũng là một loại tranh chấp hợp đồng, do đó nó có đầy đủ những đặc điểm của tranh chấp hợp đồng. Tuy nhiên, với bản chất đặc thù của HĐTD, tranh chấp HĐTD mang một số đặc điểm riêng sau đây:

Thứ nhất, tranh chấp HĐTD luôn có sự tham gia của một bên là TCTD và trong phần lớn các vụ án tranh chấp HĐTD, nguyên đơn là TCTD cho vay, bị đơn là bên đi vay. Với đặc thù của hoạt động tín dụng là sự cung ứng nguồn vốn đến những tổ chức, cá nhân có nhu cầu về vốn trên cơ sở huy động của các tổ chức, cá nhân có thừa nguồn vốn trong xã hội nên TCTD luôn đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ này. Sự tham gia của TCTD là một dấu hiệu đặc trưng nhằm phân biệt giữa tranh chấp HĐTD và tranh chấp hợp đồng vay tài sản thông thường giữa các tổ chức, cá nhân khác mà không phải là TCTD.

Thứ hai, tranh chấp HĐTD được giải quyết dựa trên nguyên tắc tự do thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật của các bên tham gia tranh chấp. . Pháp luật Việt Nam tôn trọng sự thỏa thuận của các bên, cụ thể, BLDS 2015 ghi nhận:

“cam kết, thỏa thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng”. HĐTD về bản chất là hợp đồng dân sự mà quan hệ dân sự là quan hệ mang tính thỏa thuận, tự định đoạt giữa các bên. Do đó, kể cả đối với việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ HĐTD thì các bên cũng có quyền thỏa thuận để đạt được hiệu quả tối ưu nhất trong trường hợp có tranh chấp xảy ra. Việc tôn trọng quyền định đoạt này có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì quan hệ dân sự giữa các bên mang tính bình đẳng, không phải là mối quan hệ mệnh lệnh - phục tùng như các quan hệ hành chính Nhà nước khác.

Thứ ba, tranh chấp HĐTD có thể làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động của TCTD và gây bất ổn cho toàn bộ hoạt động của hệ thống TCTD. Để thực hiện vai trò là chủ thể cung ứng vốn cho nền kinh tế, TCTD thường đi vay của các chủ thể khác để cho vay lại. Để đạt được lợi nhuận cao thì các TCTD thường kí kết các HĐTD có giá trị lớn dựa trên định giá tài sản bảo đảm tại thời điểm cho vay. Do bên vay vốn dùng khoản vay này phần lớn để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nếu bên vay không tuân thủ các cam kết trong hợp đồng, không trả nợ cho các TCTD sẽ làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động của TCTD đó.

Thứ tư, tranh chấp HĐTD thường gắn liền với tranh chấp về hợp đồng bảo đảm tiền vay thông qua hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Để giảm thiểu rủi ro trong trường hợp bên vay không trả được nợ, thông thường TCTD chỉ đồng ý cho bên đi vay được vay vốn khi họ có cầm cố, thế chấp bằng tài sản hoặc có bảo lãnh của bên thứ ba. Các biện pháp bảo đảm này đóng vai trò là phương pháp dự phòng của TCTD khi rủi ro xảy ra. Khi đó, để đảm bảo cho nghĩa vụ được đảm bảo trong HĐTD thì các bên kí kết hợp đồng bảo đảm cho khoản vay. Tùy từng trường hợp, đó có thể là hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hay là dưới hình thức chứng thư bảo lãnh của bên thứ ba.

Thứ năm, giá trị của tranh chấp HĐTD thường lớn, thậm chí là rất lớn do bên vay thường có nhu cầu về khoản tài chính lớn hơn nhiều so với khả năng tài chính của mình để phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh đối với tổ chức hoặc vay để phát triển kinh tế đối với cá nhân, hộ gia đình. Để đạt được lợi nhuận cao, các TCTD thường kí kết các HĐTD có giá trị lớn dựa vào việc định giá tài sản đảm bảo tại thời điểm cho vay. Do bên vay vốn dùng khoản vay này phần lớn để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nếu bên vay không tuân thủ các cam kết trong hợp đồng, không trả nợ cho các TCTD sẽ làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động của TCTD đó. Thực tế không hiếm các trường hợp các TCTD lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả do “nợ xấu”.

Thứ sáu, tranh chấp HĐTD phát sinh từ sự xung đột về lợi ích giữa các bên tham gia tranh chấp. Vì tranh chấp HĐTD cũng là một loại tranh chấp hợp đồng nên phải xuất phát từ xung đột lợi ích của các bên trong hợp đồng. Mặc dù vậy trong quan hệ dân sự, pháp luật hiện hành quy định một số cơ quan đoàn thể có thể khởi kiện để đảm bảo quyền lợi cho tổ chức, cá nhân khác mà không phải là

lợi ích của chính cơ quan, đoàn thể đó. Tuy nhiên, đối với tranh chấp phát sinh từ HĐTD thì chỉ có chính các bên hay người đại diện hợp pháp của họ mới có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên đi vay hay TCTD. Không có trường hợp nào mà tranh chấp HĐTD phát sinh do tổ chức, cá nhân khác khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho các bên tham gia HĐTD.

Thứ bảy, luật áp dụng để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là sử dụng pháp luật ngân hàng và pháp luật khác có liên quan.

1.1.3. Phân loại tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

1.1.3.1. Phân loại theo nội dung tranh chấp

Tranh chấp HĐTD có thể được phân loại theo nội dung tranh chấp như tranh chấp về vi phạm nghĩa vụ hoàn trả gốc và lãi của bên vay, tranh chấp về các loại lãi suất, phí, tiền phạt, tranh chấp về xử lý tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong HĐTD.

1.1.3.2. Phân loại theo tính chất của tranh chấp

Theo tính chất của tranh chấp, tranh chấp HĐTD có thể được chia làm hai loại: tranh chấp dân sự và tranh chấp kinh doanh thương mại. Cách phân loại này có ý nghĩa trong việc áp dụng các quy định pháp luật tố tụng để giải quyết tranh chấp.

1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án

1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

Giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng Tòa án là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại, khi các bên liên quan không thể giải quyết tranh chấp thông qua việc tự thương lượng, thỏa thuận. Hiện nay không có một quy định cụ thể nào về khái niệm giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng Tòa án. Tuy nhiên hoạt động tín dụng ngân hàng với mục đích là đem lại lợi nhuận cho các bên tham gia, thì việc giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng là rất cần thiết, nhằm giải quyết nhanh chóng các mâu thuẫn, xung đột giữa các bên, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Tóm lại, có thể đưa ra khái niệm giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng Tòa án là việc thông qua quá trình xét xử của Tòa án để làm rõ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên, tiến tới buộc bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng phải thực hiện trách nhiệm của mình đối với bên vi phạm.

Giải quyết tranh chấp bằng phương thức Tòa án là hình thức giải quyết bằng cơ quan tài phán của Nhà nước kết hợp với quyền lực Nhà nước để cho ra phán quyết, có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực thi, và sử dụng sức mạnh cưỡng chế thi hành nếu một trong các bên không tuân thủ

Trong khoa học pháp lý, giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng Tòa án có một số đặc trưng cơ bản như: Nhân danh quyền lực của Nhà nước xét xử và ra

phán quyết; Sử dụng sức mạnh cưỡng chế nếu không tuân theo phán quyết; Tòa án có chức năng và thẩm quyền xét xử nhiều loại án khác nhau; Tòa án không được quyền từ chối xét xử hầu hết mọi vấn đề ngay cả khi chưa có luật; Tòa án có thủ tục tái thẩm khi có tình tiết mới được phát hiện; Tòa án có thủ tục giám đốc thẩm khi có vi phạm về tố tụng.

Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng Tòa án có một số ưu điểm nhất định như: Tòa án có thẩm quyền để thực hiện và xét xử mọi loại án; Bảo đảm được tính thực thi của phán quyết bằng sức mạnh cưỡng chế, bảo đảm việc thi hành án; Tòa án có quyền xem xét lại đối với trình tự thủ tục của các phương thức giải quyết ngoài Tòa án và trong Tòa án.

Tuy nhiên, phương thức này cũng tồn tại một số nhược điểm như: Thứ nhất, Thẩm phán Tòa án có kiến thức nắm bắt mọi vấn đề mang tính chung nhất để giải quyết mọi vụ việc, nhưng đối với lĩnh vực chuyên sâu ví dụ: trong lĩnh vực HĐTD ngân hàng, không phải lúc nào thẩm phán cũng nắm rõ hết mọi vấn đề. Nếu thiếu kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng thì khó có thể giải quyết một cách triệt để và phù hợp. Thứ hai, Tòa án giải quyết tất cả vụ việc xảy ra trong đời sống chứ không chỉ riêng tranh chấp HĐTD ngân hàng. Điều này đã làm cho Tòa trở nên quá tải, dẫn đến sự chi trệ trong việc giải quyết. Thứ ba, thời gian giải quyết của Tòa án đa phần chậm chạp hơn so với các phương thức giải quyết khác. Thứ tư, giá trị công nhận và thi hành của phán quyết tòa không mang tính quốc tế, thông thường chỉ có giá trị trong nước là chủ yếu. Trừ một số trường hợp phán quyết sẽ có giá trị và được công nhận nếu như cả hai nước đều có hiệp định hỗ trợ tư pháp.

1.2.2. Đặc điểm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

Trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển, các tranh chấp HĐTD ngân hàng ngày càng đa dạng và phức tạp. Ở Việt Nam, các đương sự thường lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng Tòa án như một giải pháp cuối cùng để bảo vệ có hiệu quả nhất các quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi không thành công trong việc sử dụng phương thức thương lượng, hòa giải. Vì thế, vai trò của Tòa án vô cùng quan trọng. Việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án có một số đặc điểm như sau:

- Thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng Tòa án được bắt đầu khi một trong các bên tranh chấp khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết các nội dung tranh chấp của họ khi các quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm.

- Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng cần tuân theo quy định của BLTTDS năm 2015. Bao gồm các thủ tục tại 2 cấp xét xử (sơ thẩm và phúc thẩm) và thủ tục xem xét lại bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (tái thẩm, giám đốc thẩm).

- Bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án bắt buộc thi hành đối với các bên và có thể bị cưỡng chế nếu các bên không chấp hành. Đây là đặc

điểm khác biệt cơ bản giữa giải quyết tranh chấp bằng Tòa án với giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải.

1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng tòa án

Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án là một lĩnh vực pháp luật bao gồm tổng hợp những quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trực tiếp trong hoạt động giải quyết các tranh chấp này tại tòa án.

Vấn đề giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ hợp đồng tín dụng được quy định tại Luật Ngân hàng, Luật các tổ chức tín dụng, Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan như: Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 05/2012/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của BLTTDS; Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 02/2016 NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13; Nghị quyết số 04/2016/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH 13 về việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử...

Nội dung pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ HĐTD bao gồm: Những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng về giải quyết tranh chấp HĐTD; thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD; trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TOÀ ÁN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

2.1.1. Thực trạng pháp luật tố tụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

2.1.1.1. Thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Tranh chấp về HĐTD ngân hàng liên quan đến chủ thể riêng biệt và có nơi cư trú khác nhau nên khá phức tạp. Vì thế, BLTTDS 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã phân chia thẩm quyền của Tòa án theo vụ việc, theo cấp Tòa án,

theo lãnh thổ và theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu nhằm xác định rõ nhiệm vụ chuyên trách của mỗi Tòa án và sự chủ động cho Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc.

Thứ nhất, thẩm quyền theo lãnh thổ

Điều 39 BLTTDS năm 2015 quy định Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về HĐTD; các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết tranh chấp về HĐTD.

Thứ hai, thẩm quyền theo loại án

Thẩm quyền theo vụ việc là giới hạn khả năng do pháp luật quy định để TAND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong việc thụ lý và giải quyết các vụ việc dân sự. Việc quy định thẩm quyền theo vụ việc, giúp các TAND phân định được quyền hạn của mình với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Mặt khác, việc quy định thẩm quyền theo vụ việc, cũng là cơ sở để xác định quyền hạn giữa các Tòa án với nhau trong việc giải quyết tranh chấp. Dựa vào những quy định về thẩm quyền theo vụ việc, các đương sự thực hiện quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thẩm quyền của Tòa án giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại phát sinh từ HĐTD được quy định tại BLTTDS 2015. Theo quy định tại Điều 30 BLTTDS năm 2015, *“Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”*.

Thứ ba, thẩm quyền của Tòa án các cấp.

Thẩm quyền Tòa án theo các cấp là giới hạn mà pháp luật quy định để các cấp Tòa án thực hiện chức năng giải quyết vụ việc của mình. Hiện nay, thẩm quyền của Tòa án các cấp bao gồm: Thẩm quyền của TAND Tối cao, thẩm quyền của TAND cấp cao, thẩm quyền của TAND cấp tỉnh và thẩm quyền của TAND cấp huyện. Việc quy định thẩm quyền này xuất phát từ mục đích xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án mỗi cấp trong việc thụ lý, giải quyết các vụ việc dân sự, tạo sự chủ động và nâng cao vai trò của các cấp Tòa án.

Thứ tư, thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

Ngoài việc quy định thẩm quyền của Tòa án theo vụ việc, theo cấp Tòa án, theo lãnh thổ thì pháp luật tố tụng dân sự còn quy định thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn. Theo đó, nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động nếu thỏa mãn điều kiện do pháp luật quy định. Điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS 2015 (điểm g khoản 1 Điều 36 BLTTDS 2004) có quy định: *“Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong trường hợp: Nếu*

tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết". Theo đó, việc lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết là đặc quyền riêng có thuộc về nguyên đơn, không thuộc về bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2.1.1.2. Chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Trong quan hệ tố tụng, chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng gồm có hai nhóm chủ thể, đó là chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng. Trong đó, chủ thể tiến hành tố tụng gồm các cơ quan tiến hành tố tụng (TAND, VKSND) và người tiến hành tố tụng (Chánh án TAND, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Viện trưởng VKS, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên); chủ thể tham gia tố tụng gồm các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người đại diện hợp pháp của đương sự. Mỗi nhóm chủ thể có những nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2.1.1.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Với tư cách là một tranh chấp kinh doanh thương mại, tranh chấp HĐTD ngân hàng cũng được giải quyết theo trình tự, thủ tục được quy định tại BLTTDS 2015. Theo đó, thủ tục này bao gồm: Thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm và thủ tục xem lại bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, đồng thời được thực hiện theo những giai đoạn sau:

Thứ nhất, giai đoạn tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

Thứ hai, hòa giải và chuẩn bị xét xử

Thứ ba,, thủ tục xét xử tại phiên tòa

- *Giai đoạn xét xử sơ thẩm*

- *Giai đoạn xét xử phúc thẩm*

- *Giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm*

2.1.2. Thực trạng pháp luật về nội dung trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

Pháp luật nội dung được áp dụng trong giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng tại TAND bao gồm pháp luật dân sự và các quy định pháp luật chuyên ngành theo nguyên tắc BLDS là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự, các luật chuyên ngành khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể nhưng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

2.1.2.1. Quy định về vi phạm nghĩa vụ hoàn trả gốc và lãi của bên vay

Khi giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả của bên vay, Tòa án áp dụng các quy phạm pháp luật về giao dịch dân sự, về hợp đồng như giao kết hợp đồng, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, thực hiện hợp đồng, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, các trường hợp hợp đồng vô hiệu... được quy định tại BLDS.

2.1.2.2. Quy định về các loại lãi suất, phí, tiền phạt

Trong giải quyết tranh chấp HĐTD, Tòa án thường phải giải quyết các vấn đề liên quan đến xác định lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả và phạt vi phạm. Ngoài ra Tòa án còn quyết định về nghĩa vụ trả lãi sau khi có bản án, quyết định của Tòa án. Lãi suất trong HĐTD do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định về lãi suất trong BLDS 2015, Luật Các TCTD và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm HĐTD được xác lập.

2.1.2.3. Quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

**Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng*

Khi giao dịch vay tín dụng ngân hàng, để bảo đảm thu hồi nợ của bên đi vay trong thời hạn tín dụng đã được xác định giữa TCTD và khách hàng thì TCTD thường thực hiện các biện pháp bảo đảm sau:

- Bảo lãnh
- Cầm cố
- Thế chấp

**Hiệu lực của hợp đồng bảo đảm*

- Hợp đồng bảo đảm là một dạng cụ thể của hợp đồng dân sự nên cũng phải tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 BLDS 2015.

**Hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba*

Theo quy định của BLDS 2015, hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp bảo đảm phát sinh kể từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm. BLDS 2015 cũng ghi nhận hai quyền rất quan trọng, có tính chất cốt yếu của bên nhận bảo đảm là quyền truy đòi tài sản và quyền ưu tiên thanh toán trong trường hợp có nhiều bên cùng nhận bảo đảm đối với cùng một tài sản.

**Xử lý tài sản bảo đảm*

Điều 299 BLDS 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm. BLDS 2015 quy định một số phương thức xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm bao gồm: Bán tài sản bảo đảm; bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm; bên nhận bảo đảm nhận các khoản tiền hoặc tài sản khác từ người thứ ba trong trường hợp thế chấp quyền đòi nợ. Khi hai bên đã thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm thì tùy theo ngân hàng sẽ có một cách xử lý tài sản để thu hồi nợ khác nhau. Hiện nay, phương thức phổ biến nhất là bán tài sản bảo đảm.

**Các quy định về thứ tự ưu tiên khi xử lý tài sản bảo đảm*

BLDS 2015 quy định khi một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm được xác định như sau:

Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng. Ví dụ như trường hợp hai TCTD cùng nhận một tài sản thế chấp thì khi phải xử lý tài sản bảo đảm thì TCTD nào đăng ký thế chấp trước sẽ được ưu tiên thanh toán trước từ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản.

Trường hợp có biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba và có biện pháp bảo đảm không phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm có hiệu lực đối kháng với người thứ ba được thanh toán trước.

Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều không phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập biện pháp bảo đảm.

Thứ tự ưu tiên thanh toán như trên cũng có thể được thay đổi nếu các bên cùng nhận bảo đảm có thỏa thuận thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán cho nhau¹. Đây là một quy định mới thể hiện nguyên tắc tôn trọng quyền tự do ý chí của các bên tham gia hoạt động tín dụng.

2.1.2.4. Quy định về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

Khi giải quyết tranh chấp HĐTD có liên quan đến xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, Tòa án áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP; theo đó, cần lưu ý những nội dung sau:

** Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm*

Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm phải có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo giấy tờ hồ sơ pháp lý của tài sản cho TCTD để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản thì TCTD có quyền tự mình thu giữ tài sản bảo đảm mà không phải khởi kiện tại Tòa án khi đáp ứng đủ các điều kiện.

** Về thứ tự ưu tiên giữa bên nhận bảo đảm và người được thi hành án*

Nghị quyết 42/2017/QH14 quy định các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại TCTD không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Điều 90 Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho TCTD, tổ chức mua, bán, xử lý nợ xấu trước khi thực hiện nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm.

** Quy định áp dụng thủ tục rút gọn*

Điều 8 Nghị quyết 42/2017/QH14 quy định Tòa án được áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm hoặc tranh

¹ Điều 308, BLDS 2015

chấp về quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu. Ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ban hành đã hướng dẫn cụ thể việc áp dụng thủ tục rút gọn theo Điều 8 Nghị quyết 42/2017/QH14; theo đó, Tòa án áp dụng các quy định của BLTTDS về giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn, các văn bản hướng dẫn thi hành BLTTDS có liên quan và hướng dẫn của Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP để giải quyết các tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo thủ tục rút gọn.

2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

Nhìn chung, pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh nói chung và HĐTD nói riêng được quy định khá chi tiết, cụ thể và đầy đủ, trình tự thủ tục, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết hiệu quả tranh chấp. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nói trên, pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng bằng Tòa án vẫn bộc lộ một số bất cập, hạn chế nhất định, cụ thể:

Thứ nhất, hòa giải là giai đoạn quan trọng khi giải quyết một tranh chấp HĐTD ngân hàng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS 2015 quy định: “Trong vụ án có nhiều đương sự. mà đương sự vắng mặt trong phiên hòa giải, ...nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải. Quy định là để đảm bảo sự có mặt đầy đủ các đương sự tại phiên hòa giải tuy nhiên, lại không quy định số lần tối đa các đương sự được vắng mặt có lý do chính đáng hay trường hợp vắng mặt mà không có lý do chính đáng Tòa án sẽ giải quyết như thế nào. Việc không quy định cụ thể việc đương sự đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt dẫn đến tình trạng Thẩm phán không có căn cứ để xử lý đối với từng trường hợp xảy ra

Thứ hai, pháp luật chưa có những biện pháp thích hợp đảm bảo bị đơn phải có mặt tại phiên tòa. . BLTTDS 2015 quy định về việc triệu tập đương sự nhất là bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trọng tất cả các giai đoạn tố tụng nhưng chưa có quy định biện pháp bảo đảm cho vấn đề này. Về mặt pháp luật, đương sự tham gia tố tụng tại Tòa án là yêu cầu bắt buộc đặc biệt là sự có mặt tại buổi hòa giải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 209 BLTTDS 2015 về thành phần phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải gồm có “c) Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự”) và xét xử tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS 2015 - Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, đương sự hoặc người đại diện của họ....phải có mặt tại phiên tòa, nếu có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa...”).

Thứ ba, trong thực tế, có thể thấy rằng hòa giải là một khâu rất quan trọng trong quá trình thụ lý, giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng. Hòa giải thành sẽ có lợi cho cả hai bên đương sự về cả lợi ích kinh cũng như tiết kiệm thời gian

cho các bên. Tuy nhiên, trong công tác hòa giải trước khi đưa vụ án ra xét xử, một số quy định về thủ tục hòa giải trước khi Tòa án tiến hành xét xử còn bất cập khiến cho thời gian của phiên hòa giải kéo dài, gây ra nhiều phiền toái cho các bên tranh chấp. Cụ thể như: với tính chất của các tranh chấp HĐTD ngân hàng thì thời gian là yếu tố tác động trực tiếp đến quyền lợi của các bên đương sự. Pháp luật Tố tụng dân sự chỉ có quy định cụ thể về thời hạn chuẩn bị xét xử đối với án kinh tế tại điểm b khoản 1 Điều 203 BLTTDS và hoạt động hòa giải trước khi mở phiên tòa sơ thẩm được thực hiện trong khoảng thời hạn của giai đoạn này. Tuy nhiên, với việc không quy định thời hạn tiến hành hòa giải là nguyên nhân dẫn đến tình trạng bị quá thời hạn quy định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, làm chậm tiến độ giải quyết tranh chấp của Tòa án. Chính điều này đã gây ra tình trạng tình trạng vi phạm về thủ tục hòa giải.

Thứ tư, vướng mắc trong việc áp dụng Luật Thương mại 2005 Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán *“trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thủ lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”*. Tuy nhiên quy định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường thì không có hướng dẫn cụ thể là áp dụng theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng nào? Khi xảy ra tranh chấp về vấn đề này, Tòa án chưa có căn cứ nào để xác định mức lãi suất cho phù hợp.

Thứ năm, quy định về thời hiệu khởi kiện, BLDS 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng tại Điều 429 - Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Theo quy định của BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nhưng Luật Thương mại 2005 lại quy định từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Với những tranh chấp HĐTD ngân hàng thì thời hiệu khởi kiện sẽ phải áp dụng Luật Thương mại 2005 và được tính là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Vậy thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là thời điểm nào? Đó là thời điểm phát hiện quyền và lợi ích bị xâm phạm hay thời điểm xảy ra việc quyền và lợi ích bị xâm phạm?

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.1. Tình hình giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2022, TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế, giải quyết tổng số 352 vụ án dân sự, kinh doanh thương mại về tranh chấp HĐTD (chiếm 9,1% tổng số vụ án thụ lý trong thời gian này). Thực tiễn cho

thấy, tính chất của các vụ án tranh chấp HĐTD ngày càng phức tạp do nhiều nguyên nhân.

Theo thống kê báo cáo hàng năm, từ năm 2019 đến hết năm 2022, tình hình giải quyết các vụ án tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau: Năm 2019, TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế đã giải quyết được tổng số 60/70 vụ việc, tỷ lệ đạt 85%; năm 2020, đã giải quyết tổng số 69/85 vụ việc, tỷ lệ đạt 81%; năm 2021 tỷ lệ giải quyết án 88/88 vụ việc đạt 100% tổng số án tranh chấp HĐTD đã thụ lý; năm 2022, TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế đã giải quyết 109/109 vụ việc, đạt tỷ lệ 100% số vụ đã thụ lý. Điều này cho thấy việc giải quyết các vụ án tranh chấp HĐTD bằng Tòa án đã phần nào phát huy hiệu quả, tạo được sự tin tưởng của các bên khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng tòa án.

Theo thống kê, hiện nay số lượng tranh chấp giữa TCTD và khách hàng vay vốn còn khá cao so với các loại tranh chấp hợp đồng khác được giải quyết tại Tòa án. Tranh chấp HĐTD ngân hàng chiếm tỷ lệ lớn thứ hai sau hợp đồng mua bán trong tổng số tranh chấp hợp đồng kinh doanh, thương mại. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ một trong những đặc trưng cơ bản của HĐTD ngân hàng là sự chứa đựng nguy cơ rủi ro rất lớn đối với quyền lợi của bên cho vay vì theo cam kết trong HĐTD ngân hàng bên cho vay chỉ có thể đòi tiền của bên vay sau một thời hạn nhất định, nếu thời hạn cho vay càng dài thì nguy cơ rủi ro và bất trắc càng lớn, vì thế mà các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cũng thường xảy ra với số lượng và tỷ lệ lớn hơn so với các hợp đồng khác được giải quyết tại Tòa án. Việc tranh chấp HĐTD ngân hàng xuất phát từ sự mâu thuẫn về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

2.2.2. Vướng mắc trong áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng và thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, khó khăn trong việc áp dụng các quy định pháp luật về chủ thể tranh chấp.

Thứ hai, khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của pháp luật về lãi suất cho vay, phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng.

Thứ ba, khó khăn vướng mắc về việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ tư, khó khăn về việc tuân thủ thời hạn giải quyết vụ án theo luật định.

Thứ năm, vướng mắc về thủ tục hòa giải.

Thứ sáu, khó khăn khi đương sự và các cá nhân, tổ chức liên quan không hợp tác.

Thứ bảy, khó khăn về công tác tổ chức cán bộ nhất là đội ngũ Thẩm phán tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2.3. Nguyên nhân của vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng được rút ra từ thực tiễn tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, pháp luật hiện hành liên quan đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD tuy khá đầy đủ nhưng chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện.

Thứ hai, việc ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cấp cơ sở vật chất tại Tòa án còn nhiều hạn chế, làm cho quá trình giải quyết các tranh chấp còn mất nhiều thời gian trong khi đó lĩnh vực tài chính, tín dụng là lĩnh vực nhạy cảm yêu cầu giải quyết nhanh gọn để các bên có thể nhanh chóng tiến hành hoạt động trở lại bình thường.

Thứ ba, bản thân hoạt động cho vay luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro vốn có của nó do việc thu hồi vốn vay và lãi phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

2.2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nguyên nhân dẫn đến vi phạm, phát sinh tranh chấp HĐTD chủ yếu do bên vay (khách hàng) vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Thứ hai, về phía người có tài sản bảo đảm.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ Tòa án.

Thứ tư, nguồn nhân lực chủ chốt trong hoạt động tín dụng không được đảm bảo yêu cầu về năng lực chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp.

Thứ năm, quá trình giải quyết tại Tòa án, nhiều vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác, trốn tránh gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết tranh chấp.

CHƯƠNG 3.

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG BẰNG TOÀ ÁN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu ở Chương 1 và Chương 2, học viên đề xuất các phương hướng cơ bản để hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD phải được thực hiện đồng bộ giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng, giữa luật dân sự và luật chuyên ngành.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD phải xuất phát từ những bất cập, vướng mắc từ thực tiễn.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD phải theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho tranh chấp HĐTD giải quyết nhanh chóng, bảo vệ kịp thời quyền, lợi ích chính đáng của TCTD, từ đó gián tiếp thúc đẩy hoạt động cấp tín dụng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

3.2.1.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chủ thể của quan hệ thế chấp tài sản cần phải xác định rõ ràng

BLTTDS năm 2015 không quy định các tranh chấp giữa một bên là thương nhân có mục đích lợi nhuận và một bên không có mục đích lợi nhuận nhưng chọn Luật Thương mại 2005 làm luật áp dụng để thiết lập hợp đồng tín dụng. Vậy cần có sửa đổi bổ sung về chủ thể tranh chấp trong BLTTDS 2015 để có thể cụ thể hóa vấn đề tranh chấp thương mại tại Tòa án đồng thời tạo sự dành mạch, áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp.

3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định về thủ tục hòa giải tại Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

cần có quy định chặt chẽ hơn trong công tác hòa giải, theo đó nên quy định tối đa số lần được hòa giải tránh kéo dài, ngoài trường hợp bắt buộc, trường hợp nào được phép áp dụng biện pháp hòa giải cần quy định rõ. Bên cạnh đó, việc hòa giải tại Tòa án cũng cần tiếp thu những ưu điểm của công tác hòa giải ngoài Tòa án để quá trình hòa giải được linh động, nhanh chóng, hiệu quả. Bởi vì quá trình giải quyết tranh chấp càng lâu, doanh nghiệp càng chịu tổn thất nặng nề khi quá trình sản xuất, kinh doanh ít nhiều bị ảnh hưởng.

3.2.1.3. Hoàn thiện quy định của pháp luật về lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng

BLDS 2015 đã sửa đổi về phần lãi suất, thì cần có thêm những quy định rõ về khái niệm các loại lãi suất, cách tính lãi suất để tránh các tổ chức tín dụng lách luật nghĩ ra các khoản phí, phụ phí khác để thu từ khách hàng khi việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng tín dụng quá hạn.

Ngoài ra, việc xử lý hậu quả của hợp đồng tín dụng vi phạm quy định về lãi suất: Đối với một số hợp đồng vay tiền đã có hiệu lực và việc thoả thuận lãi suất vượt quá quy định cho phép của Nhà nước của bên cho vay thì không nên tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Trong trường hợp này, để bảo vệ quyền lợi cho các bên Tòa án nên áp dụng và quy định lại lãi suất chuẩn và hợp lí tại thời điểm bấy giờ trong hợp đồng vay tiền và hợp đồng cho vay tiền này tiếp tục có hiệu lực. Cũng cần phải cân nhắc điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và dự liệu “những trường hợp khác do pháp luật quy định” để không gây mâu thuẫn trong chính BLDS.

3.2.1.4. Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đảm bảo thanh toán và xử lý tài sản đảm bảo

Để tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng thì cần phải có các quy định về biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với điều kiện thực

té. Để hạn chế những vướng mắc của pháp luật về bảo đảm tiền vay, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo đảm tiền vay, chế định đăng ký giao dịch bảo đảm cần tập trung vào việc giải quyết các vấn đề sau đây:

- Cần có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật về bảo đảm tiền vay với các bộ phận pháp luật khác có liên quan như pháp luật về sở hữu, pháp luật về đất đai, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp, pháp luật về thi hành án góp phần quan trọng trong việc xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ của TCTD. Đồng thời, cần có quy định cụ thể cho việc thi hành các bản án liên quan đến các TCTD tránh việc khách hàng bị lợi dụng kéo dài thời gian thi hành án.

- Khi xử lý tài sản bảo đảm thì việc định giá phải do tổ chức đánh giá chuyên nghiệp thực hiện, có thể là một cơ quan chuyên môn hay một tổ chức định giá hoạt động độc lập.

- Cần cải cách thủ tục công chứng, chứng thực về đăng ký giao dịch bảo đảm nhằm bảo đảm tính thống nhất đồng bộ để tránh tình trạng một tài sản được thế chấp ở nhiều TCTD.

- Cần quy định chế tài cụ thể đối với các cơ quan chức năng như Ủy ban nhân dân, Công an trong quá trình hỗ trợ tổ chức tín dụng thu hồi tài sản bảo đảm.

- Cần sửa khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai 2013 theo hướng bổ sung quyền cầm cố quyền sử dụng đất như sau: “Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, cam cố, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này”, cho phù hợp với Điều 310 BLDS 2015 quy định: “Trường hợp bất động sản là đối tượng của cầm cố theo quy định của luật thì việc cầm cố bất động sản có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký”. Việc qui định biện pháp cầm cố bất động sản là biện pháp bảo đảm tiền vay sẽ quản lý tài sản bảo đảm chặt chẽ hơn, an toàn hơn, hạn chế rủi ro cho TCTD.

- Kiến nghị bổ sung những quy định những quy định mới trong Luật Đất đai nhằm hạn chế việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình theo hướng quy định rõ một số trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình.

- Cần bổ sung vào Luật Các TCTD 01 chương riêng về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu (trên cơ sở kế thừa cơ bản những quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD).

- Tại khoản 2 Điều 91 Luật các TCTD về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của TCTD quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Cần bổ sung quy định về trần lãi suất cho vay của TCTD để tránh trường hợp cho vay quá cao và bảo đảm tính bình đẳng với trần lãi suất cho vay thông thường.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án

3.2.2.1. Về nhiệm kỳ Thẩm phán và nâng cao chất lượng của đội ngũ thẩm phán, hội thẩm nhân dân

Pháp luật về bổ nhiệm Thẩm phán hiện nay quy định nhiệm kỳ đầu là 05 năm đối với một Thẩm phán so với yêu cầu giải quyết vụ án hiện nay là chưa đáp ứng được. Thường sẽ dẫn đến những hậu quả không đáng có, không đáp ứng được yêu cầu giải quyết của các đương sự, vô tình tạo nên những tiêu cực trong hệ thống Tòa án. Thiết nghĩ nên tăng thêm nhiệm kỳ của Thẩm phán, điều này góp phần tăng thêm sự an tâm làm việc, kiên quyết và chuyên tâm trong quá trình giải quyết vụ án một cách triệt để và hoàn thiện, đáp ứng được nhu cầu của các đương sự.

Nâng cao chất lượng Thẩm phán, thư ký, cán bộ tại TAND, tiến tới số hoá các bản án, xây dựng một hệ thống Tòa án minh bạch, các Thẩm phán, Kiểm sát viên và cán bộ trong ngành Tòa án cần phải có trách nhiệm hơn với vụ án mà mình tham gia, tránh được tình trạng tham nhũng gây sai lệch trong quá trình giải quyết vụ án.

. Để làm được vấn đề này, cần chú ý các giải pháp cụ thể như sau:

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức cho các Thẩm phán, các cán bộ trong ngành Tòa án, tiến hành hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến những quy định mới của pháp luật có liên quan đến hoạt động giải quyết các tranh chấp theo quy định của pháp luật, cần tạo điều kiện cho Thẩm phán trong nhiệm kỳ có thời gian thích hợp để bồi dưỡng nghiệp vụ và cập nhật những thông tin mới về khoa học pháp lý để họ không lạc hậu về kiến thức lý luận.

- Bổ sung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và nguồn bổ nhiệm thẩm phán. Nguồn bổ nhiệm Thẩm phán không chỉ từ những người đang công tác trong ngành mà còn cả những người là các luật sư có đầy đủ những điều kiện theo quy định của pháp luật. Việc tiến hành công tác bổ nhiệm Thẩm phán phải minh bạch, đảm bảo chọn được Thẩm phán có năng lực chuyên môn và đạo đức, thực hiện công tác thi tuyển Thẩm phán phải nghiêm túc, công bằng đối với các đối tượng dự thi.

- Thực hiện kiểm tra trình độ chuyên môn thường xuyên, định kỳ để có kết quả chính xác về trình độ của cán bộ ngành Tòa án. Từ đánh giá thực tiễn qua việc tiến hành kiểm tra định kỳ, mạnh dạn loại bỏ những cán bộ thiếu năng lực, suy giảm đạo đức nghề nghiệp, thiếu tinh thần kỷ luật trong hoạt động tại Tòa án.

3.2.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các nhà kinh doanh

Các tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ HĐTD xảy ra trên thực tế phần lớn là do xuất phát từ nguyên nhân chủ quan, do ý thức của các nhà kinh doanh hiểu biết về pháp luật chưa cao. Chính vì vậy, cần tăng cường tuyên

truyền nâng cao ý thức của các nhà kinh doanh về vấn đề pháp luật và vấn đề trách nhiệm của bản thân.

Ngoài ra, cơ sở vật chất ngành Tòa án nói chung cần nhanh chóng được đầu tư theo hướng hiện đại, phù hợp với thực tiễn để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên ngành Tòa án hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao vị thế ngành Tòa án, xứng đáng là cơ quan trung tâm theo tinh thần cải cách tư pháp. Bên cạnh đó, việc tăng cường hiệu quả của những giải pháp khác trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng như thương lượng và hòa giải hay Trọng tài thương mại để giảm bớt gánh nặng cho Tòa án trong việc xét xử các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng.

3.2.2.3. Phát huy hiệu quả của công nghệ thông tin vào công tác Tòa án

Chúng ta đang sống trong một thời đại mới, thời đại phát triển rực rỡ của công nghệ thông tin. Công nghệ thông tin đã ở một bước phát triển cao đó là số hóa tất cả các dữ liệu thông tin, luân chuyển mạnh mẽ. Mọi loại thông tin, số liệu âm thanh, hình ảnh có thể được đưa về dạng kỹ thuật số để bất kỳ máy tính nào cũng có thể lưu trữ, xử lý chuyển tiếp cho nhiều người. Theo đó, công nghệ thông tin cần được triển khai mạnh mẽ rộng khắp Tòa án các cấp, tiến đến xây dựng “Tòa án điện tử” nhằm thuận tiện cho cả cán bộ ngành và nhân dân trong việc truyền tải và tiếp nhận thông tin pháp luật, đặc biệt là các thủ tục tư pháp.

3.2.2.4. Đối với các tổ chức tín dụng

Một là, các tổ chức tín dụng cần phải ban hành quy chế, quy định chặt chẽ về trách nhiệm liên đới chịu trách nhiệm đối với khoản vay của khách hàng trong trường hợp có lỗi của cán bộ trong công tác thẩm định không đúng đối với giá trị thực của tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay, không đúng tài sản thế chấp; nâng cao năng lực trách nhiệm của người của tổ chức tín dụng được giao nhiệm vụ thẩm định đối với tài sản cho vay.

Hai là, sớm hoàn thiện về cơ chế chính sách, hành lang pháp lý chặt chẽ để đảm bảo cho hoạt động của các tổ chức tín dụng ngày càng chặt chẽ hơn.

Ba là, nâng cao hiệu quả trong việc phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng để phát hiện, xử lý vi phạm.

Bốn là, cần xây dựng quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với Ngân hàng Nhà nước trong việc trao đổi thông tin, vụ việc nhằm sớm phát hiện và phòng ngừa vi phạm, tội phạm. Nghiên cứu, xây dựng và ký kết quy chế phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại; Quy chế phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Ngân hàng.

PHẦN KẾT LUẬN

Tranh chấp HĐTD là một trong những dạng tranh chấp phổ biến hiện nay được giải quyết tại TAND các cấp. Việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại Tòa án đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giữ gìn an ninh trật tự xã hội. Trong thực tiễn, HĐTD có nhiều vấn đề phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, các tranh chấp về HĐTD diễn ra với tần suất ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp. Thực tế này đòi hỏi những giải pháp tích cực, lâu dài và triệt để mới phần nào hạn chế đến mức thấp nhất các tranh chấp xảy ra và thúc đẩy quá trình giải quyết tranh chấp kịp thời, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên, đồng thời, đưa hoạt động tín dụng phát triển đúng hướng, lành mạnh, an toàn, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia.

Qua việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng bằng Tòa án, qua thực tiễn tỉnh Thừa Thiên Huế*”, luận văn đã làm rõ được những vấn đề lý luận về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án, đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, liên hệ từ thực tiễn xét xử của TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Về cơ bản, luận văn đã làm sáng tỏ các khái niệm, phân tích các đặc điểm, của hợp đồng tín dụng cũng như giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại TAND. Đồng thời đã phân tích, đánh giá về thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án, rút ra những nhận xét về kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế trong hoạt động xét xử các tranh chấp về hợp đồng tín dụng (liên hệ từ thực tiễn xét xử của TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế). Từ nghiên cứu cơ sở lý luận, khảo cứu thực tiễn xét xử giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng của TAND ở tỉnh Thừa Thiên Huế, luận văn đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế cũng như nguyên nhân của hạn chế, từ đó đưa ra các quan điểm cũng như các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của pháp luật trong lĩnh vực này.

Với phạm vi luận văn, học viên đã cố gắng đưa ra những vấn đề cơ bản nhất nhằm giải quyết những đòi hỏi bức thiết về việc quy định và áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp từ HĐTD tại TAND. Mong rằng với những kiến nghị trong luận văn sẽ giúp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án hiện nay. Với thời gian hạn hẹp, vốn kiến thức ít ỏi, luận văn không tránh khỏi những sai sót, học viên rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giúp cho luận văn được hoàn chỉnh hơn.